

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2017

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA ĐỢT 5 NĂM 2017
NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ BẬC 1

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
1	OT - 01	PHAN ANH VŨ	04-08-1972		x		230481537	02-11-2006	Gia Lai	
2	OT - 02	NGUYỄN VĂN TRUNG	05-10-1971		x		230941104	19-05-2009	Gia Lai	
3	OT - 03	BÙI DUY LONG	09-02-1972		x		230957502	26-09-2009	Gia Lai	
4	OT - 04	PHẠM NGUYỄN TUẤN VŨ	03-05-1990		x		230731924	04-06-2009	Gia Lai	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
5	OT - 05	NGUYỄN NHỊ ANH	10-02-1991		x		230775225	07-01-2013	Gia Lai	
6	OT - 06	ĐÀO TRÍ DỪNG	20-03-1972		x		230413152	20-07-2010	Gia Lai	
7	OT - 07	PHAN VĂN MINH	12-11-1967		x		230787481	07-04-2014	Gia Lai	
8	OT - 08	ĐÀO TÂM ĐẢN	04-02-1971		x		230415962	02-08-2011	Gia Lai	
9	OT - 09	PHAN THANH TRUNG	20-10-1974		x		230472940	08-11-2012	Gia Lai	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
10	OT - 10	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	30-09-1975		x		231218440	08-06-2016	Gia Lai	
11	OT - 11	ĐỖ VĂN NHẬT	28-07-1970		x		230886932	03-06-2017	Gia Lai	
12	OT - 12	NGÔ VĂN TỨ	20-02-1971		x		230668776	05-09-2013	Gia Lai	
13	OT - 13	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	04-07-1979		x		212295739	07-04-2004	Quảng Ngãi	
14	OT - 14	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	09-01-1963		x		230929751	11-12-2008	Gia Lai	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
15	OT - 15	TRẦN ĐỨC THẮNG	28-11-1974		x		230510838	02/10/2017	Gia Lai	
16	OT - 16	ĐÀO VĂN TRÌNH	20-01-1994		x		245208929	22-05-2009	Đak Nông	
17	OT - 17	PHẠM THẾ HUYNH	03-04-1991		x		231127147	14-03-2013	Gia Lai	
18	OT - 18	NGUYỄN HỒNG TRIỀU	16-08-1977		x		231088085	24-04-2012	Gia Lai	
19	OT - 19	HOÀNG QUÝ DƯƠNG	01-01-1975		x		100671653	09-10-2010	Gia Lai	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
20	OT - 20	DIỆP THỊ TRINH	16-04-1974			x	230476137	04-05-2007	Gia Lai	
21	OT - 21	PHẠM NGỌC TOÀN	1982		x		230562962	08-03-2016	Gia Lai	
22	OT - 22	NGUYỄN VĂN THIÊN	10-12-1962		x		231057951	13-04-2011	Gia Lai	
23	OT - 23	NGUYỄN ĐỨC KHÔI	12-02-1996		X		132340524	12-10-2012	Phú Thọ	
24	OT - 24	PHAN QUANG CƯỜNG	10-10-1987		x		111678135	13-10-2012	CA Hà Nội	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
25	OT - 25	NGUYỄN ĐÌNH TÂM	05-05-1966		x		012727270	09-07-2004	CA Hà Nội	
26	OT - 26	NGUYỄN DUY CHUYỀN	23-02-1973		x		111522566	29-11-2011	CA Hà Nội	
27	OT - 27	ĐÀO QUANG HUY	26-08-1988		x		151711524	01-04-2004	CA THÁI BÌNH	
28	OT - 28	ĐỖ VĂN THẮNG	30-09-1972		x		012920833	29-09-2006	CA Hà Nội	
29	OT - 29	NGUYỄN VĂN THÔNG	01/04/1986		x		001086008861	11-07-2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
30	OT - 30	NGÔ HUY LONG	19-02-1985		X		111840744	08-05-2010	CA Hà Nội	
31	OT - 31	DƯƠNG THANH NGỌC	08-11-1977		x		001077016267	21-07-2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
32	OT - 32	NGUYỄN THANH QUỲ	02-11-1981		x		012201084	09/04/2009	CA Hà Nội	
33	OT - 33	NGUYỄN TUẤN HÙNG	09-04-1980		x		001080014865	30/09/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
34	OT - 34	BÙI DANH CÔNG	05-09-1988		x		0010880013133	08-09-2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
35	OT - 35	VŨ VĂN ĐẠI	15-01-1987		x		172637760	03-07-2013	CA Thanh Hóa	
36	OT - 36	NGUYỄN KIÊM NAM	12-11-1962		X		170187567	31-10-2006	CA Hà Nội	
37	OT - 37	NGUYỄN ĐẮC DƯƠNG	28-01-1982		x		111918653	05-07-2010	CA Hà Nội	
38	OT - 38	PHẠM VĂN VỌNG	30-06-1978		x		162279713	04-12-2008	CA Nam Định	
39	OT - 39	NGUYỄN MẠNH HÙNG	26-03-1996		X		168578803	19-03-2014	CA Hà Nam	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
40	OT - 40	LAI MẠNH TIỆP	22-12-1977		X		012292915	22-04-2011	CA Hà Nội	
41	OT - 41	NGÔ CÔNG THẮNG	22-10-1968		X		001068002327	16-12-2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
42	OT - 42	ĐÀO VƯƠNG LINH	11-01-1982		X		001082023498	17-07-2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
43	OT - 43	ĐỖ TUẤN NGỌC	26-11-1969		X		001069009343	15-11-2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
44	OT - 44	QUÁCH TRỌNG TY	11-11-1963		X		013112908	28-08-2008	Hà Nội	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
45	OT - 45	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	30-10-1980		X		012083121	07-08-2012	Hà Nội	
46	OT - 46	ĐÀO MINH VIỆT	09-12-1979		X		111365241	21-02-2009	Hà Nội	
47	OT - 47	PHẠM TUẤN ANH	02-04-1983		X		186167644	10-02-2017	Nghệ An	
48	OT - 48	ĐOÀN TRUNG DŨNG	12-09-1982		X		111627924	22-11-2004	Hà Tây	
49	OT - 49	NGUYỄN VĂN THÀNH	06-07-1985		X		017104255	28-08-2009	Hà Nội	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
50	OT - 50	DƯƠNG ĐÌNH NGÔ	11-01-1967		X		112238256	27-07-2005	Hà Nội	
51	OT - 51	ĐÌNH VĂN BẦY	27-05-1980		x		001080001197	28-02-2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
52	OT - 52	TRẦN HẢI ĐUỜNG	04-11-1973		x		151603116	23-08-2008	Thái bình	
53	OT - 53	NGUYỄN XUÂN HOA	15-10-1965		x		030065001873	23-12-2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
54	OT - 54	NGUYỄN DUY HỘI	18-12-1983		x		111711453	13-09-2006	Hà Tây	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
55	OT - 55	LÊ TRUNG HÙNG	21-06-1983		x		151532750	10-02-2009	Thái Bình	
56	OT - 56	NGUYỄN VĂN PHẤN	01-01-1958		x		012945755	23-03-2007	Hà Nội	
57	OT - 57	PHẠM CHÍ THANH	26-12-1965		x		013129816	03-12-2008	Hà Nội	
58	OT - 58	NGUYỄN TIẾN THÀNH	08-09-1978		x		033078002103	06-03-2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
59	OT - 59	VŨ CHÍ THỆ	10-10-1963		x		013569300	07-07-2012	Hà Nội	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
60	OT - 60	PHÙNG DUY TRUYỀN	23-06-1981		x		012719574	24-06-2004	Hà Nội	
61	OT - 61	LÊ ĐÌNH KỲ	29-08-1996		X		174567376	13-12-2013	Thanh Hóa	
62	OT - 62	TẠ TIẾN ĐẠT	20-02-1971		x		111156655	28-05-2009	Hà Nội	
63	OT - 63	NGHIÊM MẠNH HÙNG	16-04-1965		x		001065005988	21-03-2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
64	OT - 64	PHAN HỮU HUY	08-12-1969		x		012574969	04-03-2003	Hà Nội	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
65	OT - 65	NGUYỄN ĐĂNG LỢI	10-04-1979		x		012204696	24-08-2012	Hà Nội	
66	OT - 66	PHẠM HỒNG PHONG	29-12-1981		x		111852061	18-12-2010	Hà Nội	
67	OT - 67	HOÀNG TRIỆU PHÚ	16-11-1969		x		011471835	20-07-2004	Hà Nội	
68	OT - 68	ĐÀO DUY TUYẾN	06-02-1981		x		145027753	07-05-2011	Hưng Yên	
69	OT - 69	TRẦN QUỐC TUẤN	15-09-1981		x		168018472	17-04-2017	Hà Nam	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
70	OT - 70	TRỊNH VĂN VŨ	10-06-1974		x		012271450	12-03-2014	Hà Nội	
71	OT - 71	PHÙNG VĂN QUANG	08-11-1978		x		001078014587	17-05-2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	
72	OT - 72	DOÃN VĂN HIẾU	18-02-1986		x		012332098	28-09-2006	Hà Nội	